

Mức sinh hoạt phí của lưu học sinh theo Đề án 322 ,chuyển đổi nợ và theo diện Hiệp định

(Kèm theo Thông tư số 144 /2007/TTLT/BTC-BGDDĐT-BNG
ngày 05 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Ngoại Giao)

Tên nước (A)	Mức SHP toàn phần (USD; EURO/1LHS/1tháng) (B)		Mức cấp bù SHP diện Hiệp định(USD/1LHS/1tháng (C)
	Bảng đồng đô la Mỹ	Bảng đồng EURO	Bảng đồng đô la Mỹ
Ấn Độ	350		250-350
Trung quốc	350		244
Đài Loan	350		
Campuchia, Lào	170		70
Mông Cổ	170		120
Hàn quốc, Singapore Hôngkông	500		
Tháilan, Philipin, Malaisia	300		
Ba Lan	400		400
Bungary	400		337
Hungary	400		119-336
Séc	400		70
Slôvakia	400		93
Rumani	400		350
Ucraina, Bêlarútchia	400		380
Nga	400		350
Cuba	170		165
Các nước Tây Bắc âu		740	
Mỹ, Canada, Anh, Nhật Bản	1.000		
Úc, New Zealand	860		
Ai cập	450		400

Phụ lục 02

Mức bảo hiểm y tế đối với lưu học sinh

(Kèm theo Thông tư số 144 /2007/TTLT/BTC-BGDĐT-BNG
Ngày 05 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính, Bộ giáo dục và Đào tạo và Bộ Ngoại giao)

Nước học	USD/LHS/năm
Cămpuchia, Lào	150
Balan, Bêlarútchia, Ucraina	150
Các nước Tây âu và Bắc âu	900 EUR
Nhật Bản	410
Úc và New Zealand	300
Mỹ Canada, Anh	1.000

Ghi chú: Đối với một số nước không liệt kê trong Phụ lục này sẽ được xem xét từng trường hợp cụ thể theo qui định.



**Mức hỗ trợ học tập đối với lưu học sinh
Theo chương trình đào tạo phối hợp**

(cho thời gian đào tạo tại Việt Nam)

(Kèm theo Thông tư số 144 /2007/TTLT/BTC-BGDĐT-BNG
ngày 05 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Ngoại Giao)

- 1/ Bachelor: 750.000 đồng Việt nam/1LHS/1tháng
- 2/ Bachelor: 900.000 đồng Việt nam/1LHS/1tháng
- 3/ Bachelor: 1.050.000 đồng Việt nam 1/LHS/1tháng